TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2020/DSST
Ngày: 31/12/2020
V/v: "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

***N*ƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lai Ngọc Trí**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Thiện**

2. Bà **Trần Thị Dung**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trần Thùy Mỵ** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Nga** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2020/TLST - DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 799/2019/QĐST – DS ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Th,** sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 176/2, đường A, phường B, quận N, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Bị đơn*:* ông **Trần Minh S,** sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 28/8, đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:*

Vào ngày 30/12/2019 ông Trần Minh S có vay của ông 100.000.000 đồng. Việc vay tiền có ký Hợp đồng vay tiền và có công chứng theo quy định pháp luật, đồng thời ông S có ký giấy Biên nhận nhận tiền kèm theo. Ông S có giao cho ông giữ Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 498925 (bản chính) để làm tin. Đến ngày ngày 20/01/2020 ông S tiếp tục vay 100.000.000 đồng. Có làm Hợp đồng vay tiền và công chứng theo quy định pháp luật, ông S có ký giấy nhận nợ ngày 20/01/2020 nhận 77.000.000 đồng và ngày 21/01/2020 nhận 23.000.000 đồng. Để đảm bảo ông S có giao cho ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 498924 (bản chính) để làm tin.

Từ khi đến thời hạn trả nợ cho đến nay ông đã nhiều lần yêu cầu ông S trả số tiền đã vay và lãi nhưng ông S tìm cách trốn tránh và không trả tiền đã vay và lãi cho ông. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu ông S trả tổng số tiền đã vay là 200.000.000 đồng và tiền lãi 01%/tháng thỏa thuận kể từ ngày 30/01/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Việc thụ lý của Toà án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách các đương sự, điều tra thu thập chứng cứ đầy đủ, gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng hạn. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định về sự có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Đối với bị đơn vắng mặt các lần hòa giải, xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trên cơ sở xem xét chứng cứ và trình bày của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 30/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng số 8121 ký ngày 30/12/2019. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn 100.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng theo hợp đồng số 386 ký ngày 20/01/2020 do chưa đủ điều kiện khởi kiện.

Vụ án không hòa giải được do bị đơn vắng mặt tại các lần hòa giải. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền đã vay là 200.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 30/01/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện thể hiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay cùng với lãi suất theo quy định pháp luật nên xác định đây là quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại quận Ninh Kiều nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn – ông Trần Minh S được Tòa án triệu hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 30/12/2019 thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng với thời hạn 03 tháng và hợp đồng được công chứng đúng theo quy định của pháp luật. Hơn nữa, căn cứ vào biên nhận ngày 30/12/2019 thể hiện bị đơn có nhận của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng và có thế chấp cho nguyên đơn một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 498925 (bản chính) để làm tin. Do đó, có căn cứ xác định việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn là có thật và không cần phải chứng minh. Do đến hạn hợp đồng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn cho nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc trả số tiền gốc 100.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu tính lãi: Trong hợp đồng không thể hiện việc vay tài sản giữa các bên có thỏa thuận việc trả lãi, tuy nhiên trong biên nhận ngày 30/12/2019 thể hiện việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền có tính lãi nhưng không xác định mức lãi suất cụ thể. Vì vậy, lãi suất được tính theo mức 10%/năm căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, bị đơn có trách nhiệm trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 30/01/2020

đến ngày xét xử sơ thẩm 31/12/2020 trên số nợ gốc 100.000.000 đồng là 10.000.000 đồng.

+ Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 20/01/2020 thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng với thời hạn là 02 năm và hợp đồng được công chứng đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào biên nhận ngày 20/01/2020 và biên nhận ngày 21/01/2020 thể hiện bị đơn có nhận của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng. Cụ thể ngày 20/01/2020 nhận 77.000.000 đồng, ngày 21/01/2020 nhận 23.000.000 đồng và có thế chấp cho nguyên đơn một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 498924 (bản chính) để làm tin, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 03/6/2019 cho ông Trần Minh S. Do đó, có căn cứ xác định việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn là có thật và không cần phải chứng minh.

Xét thấy, về nội dung hợp đồng vay tại Điều 2 và Điều 3 thể hiện thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng (20/01/2020) và thời hạn kết thúc hợp đồng là ngày 20/01/2022. Các bên thỏa thuận sau khi kết thúc hợp đồng bị đơn sẽ trả toàn bộ số tiền vay cùng với lãi suất cho nguyên đơn. Hơn nữa, giữa nguyên và bị đơn cũng không có thỏa thuận về việc đòi nợ trước thời hạn đã thỏa thuận. Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ khi chưa hết hạn theo thỏa thuận là chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Hợp đồng vay tài sản ngày 20/01/2020. Dành quyền khởi kiện lại cho nguyên đơn khi đủ điều kiện khởi kiện theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 184, 217, 218, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 465 và 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH K14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th.

- Buộc bị đơn ông Trần Minh S trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th tổng số tiền là 110.000.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn Th có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 498925, số vào sổ CS 16993 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho ông Trần Minh S ngày 03/6/2019 sau khi ông S thanh toán xong số nợ cho ông Th.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Hợp đồng vay tài sản ngày 20/01/2020 do chưa đủ điều kiện khởi kiện. Dành quyền khởi kiện lại cho nguyên đơn khi đủ điều kiện khởi kiện theo quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 5.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại 5.368.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 003054 ngày 14/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND Q. Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lai Ngọc Trí